TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04-4-2024
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Quang.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ka Phu Bột và bà Doãn Thúy Hà.
- Thư ký phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 23/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024, đối với:

- *Nguyên đơn:* Bà A Lăng Úp L; sinh năm 1992. *Có mặt*.
- *Bị đơn:* Ông A C; sinh năm 1992. *Vắng mặt*.

Cùng địa chỉ: Cụm P, thôn B, xã Cà, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 09/10/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà A Lăng Úp L trình bày:*

Về hôn nhân: Bà A Lăng Úp L và ông A C tự nguyện kết hôn, được Uỷ ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 07/01/2013. Trong thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Kể từ năm 2017, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, mâu thuẫn vì những bất đồng nhỏ nhặt trong cuộc sống, không có tiếng nói chung; mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên ngăn, hòa giải nhưng không thành. Khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2018 đến nay, bà L và ông C đã sống ly thân. Hiện nay, tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông C đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; ông C cũng đã có quan hệ ngoài luồng với một người phụ nữ khác. Nay, bà A Lăng Úp L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông A C.

Về con chung: Bà A Lăng Úp L và ông A C có 02 (hai) con chung là cháu A Giang T, sinh ngày 08/11/2012 và cháu Y Giang Ngọc D, sinh ngày 31/8/2016;

bà A Lăng Úp L yêu cầu được nhận nuôi 02 con và không yêu cầu ông A C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Bị đơn ông A C:*

Ông A C đã được nghe đọc Thông báo thụ lý số 23/2023/TB –TLVA ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam nhưng từ chối ký nhận Thông báo. Do đó, Tòa án nhân dân huyện N đã lập Biên bản về việc từ chối nhận văn bản tố tụng ngày 13/10/2023 có xác nhận của Công an xã C, huyện N.

Ngày 02/11/2023, bà A Lăng Úp L thông báo về việc ông A C đã đi khỏi địa phương và đồng thời cung cấp địa chỉ mới của ông A C tại Làng G, xã R, huyện S, tỉnh Kon Tum.

Ngày 02/11/2023, Tòa án nhân dân huyện N ủy thác thu thập chứng cứ số 01/2023/QĐ-UTTA đến Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Kon Tum để lấy ý kiến của ông A C đối với các yêu cầu của bà L trong vụ án và thực hiện các thủ tục tố tụng khác. Ngày 07/11/2023, Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Kon Tum có kết quả xác minh: "Từ sau khi lấy vợ và chuyển khẩu đến tỉnh Quảng Nam, năm 2021 anh A C và vợ có về xã R sinh sống được một thời gian ngắn rồi đi làm ăn nơi khác không về lại xã R, huyện S, tỉnh Kon Tum. Hiện nay A C không có mặt tại Làng G, xã R, huyện S, tỉnh Kon Tum".

Ngày 22/12/2023, Tòa án nhân dân huyện N xác minh tại nơi cư trú của ông A C. Công an xã C, huyện N cho kết quả xác minh: "Ông A C, sinh năm 1992 có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Trước đây, ông A C sinh sống và làm việc tại địa phương. Từ tháng 11 năm 2023, ông A C không còn sinh sống và làm việc tại địa phương Cụm P, thôn B, xã C, huyện N nữa. Ông A C đi đâu, làm gì không thông báo vắng mặt tại Công an xã C, huyện N".

Ông A C vắng mặt tại phiên toà lần 01 ngày 06/3/2024.

** Toà án thu thập tài liệu, chứng cứ:*

Tại Công văn phúc đáp số 07/LĐ-TB&XH ngày 22/01/2024 của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện N cung cấp: Vợ chồng ông A C và bà A Lăng Úp L đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2023 ngày 07/01/2013; cả hai có với nhau 02 con chung chưa thành niên. Hiện nay, ông C và bà L không còn sống chung với nhau; ông C đã đi khỏi địa phương. Các con chung hiện nay đang sống với mẹ. Không có phản ánh gì về vấn đề bất bình đẳng giới và tệ nạn xã hội trong gia đình ông C và bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn chấp hành không đầy đủ các quy định của pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do dù đã được tống đạt hợp lệ. Vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông C là đúng quy định

tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà A Lăng Úp L được ly hôn với ông A C. Về con chung, giao cháu A Giang T, sinh ngày 08/11/2012 và cháu Y Giang Ngọc D, sinh ngày 31/8/2016 cho bà A Lăng Úp L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi, ông A C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn. Về nợ chung và tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Đương sự thuộc đối tượng được miễn tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà A Lăng Úp L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn ông A C; ông A C cư trú tại xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Bà A Lăng Úp L yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Căn cứ vào Khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải đối với vụ án này.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ông C đã đi khỏi địa phương, không khai báo tạm vắng theo quy định. Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông A C. Tại phiên tòa thứ nhất và tại phiên tòa hôm nay, ông A C vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án nhân dân huyện N căn cứ vào khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông A C.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà A Lăng Úp L và ông A C tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và tự nguyện kết hôn, được Uỷ ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 07/01/2013. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Theo nguyên đơn trình bày thì cuộc sống hôn nhân của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn nguyên đơn cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi vì những bất đồng nhỏ nhặt trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Bà L và ông C đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2018 đến nay; ông C cũng đã có quan hệ ngoài luồng với một người phụ nữ khác. Điều đó cho thấy đời sống chung của vợ chồng đã không còn duy trì. Tại phiên tòa hôm nay bà L vẫn giữ nguyên quan điểm được ly hôn với ông C. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án ông C không có thiện chí hợp tác, đã bỏ đi khỏi địa phương, không đưa ra ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà L; hiện nay vợ chồng không sống chung, không quan tâm, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, làm cho cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 xử cho bà A Lăng Úp L được ly hôn ông A C là phù hợp.

- Về con chung: Bà A Lăng Úp L và ông A C có 02 (hai) con chung là cháu A Giang T, sinh ngày 08/11/2012 và cháu Y Giang Ngọc D, sinh ngày 31/8/2016. Quá trình giải quyết vụ án thông qua bản tự khai của bà L, Giấy nguyện vọng của các cháu A Giang T và Y Giang Ngọc D và tại phiên tòa, bà L đều có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung; bà L không yêu cầu ông C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: Xét về điều kiện và khả năng nuôi con thì bà L là giáo viên, có thu nhập ổn định nên đảm bảo được khả năng nuôi con chung. Qua xác minh tại cơ quan chức năng về chăm sóc trẻ em thì thấy rằng: Hiện tại con chung của vợ chồng đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, phát triển bình thường, không có phản ánh gì về vấn đề bất bình đẳng giới và tệ nạn xã hội trong gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục giao con chung cháu A Giang T và cháu Y Giang Ngọc D cho bà L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với Điều 81, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét về ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn thuộc trường hợp đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử xét miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nguyên đơn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A Lăng Úp L, xử cho bà A Lăng Úp L được ly hôn với ông A C.

2. Về con chung: Giao cháu A Giang T, sinh ngày 08/11/2012 và cháu Y Giang Ngọc D, sinh ngày 31/8/2016 cho bà A Lăng Úp L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông A C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở. Nếu ông A C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của ông A C. Cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với nguyên đơn bà A Lăng Úp L.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Giang;
- Chi cục THADS huyện Nam Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Quang